



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Rau quả thực phẩm An Giang

Ngày 31/12/2025	42,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.5%	20.0%	35.9%

DT thuần Q4/25
349
tỷ VNĐ
QoQ: ▼116 -24.9%
YoY: ▲ 55.0 18.7%

LN thuần Q4/25
31.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.90 -13.4%
YoY: ▲ 18.8 148%

LN sau thuế Q4/25
30.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80 -5.4%
YoY: ▲ 20.4 200%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
11.4%
YoY: +/-▲ 2.4%

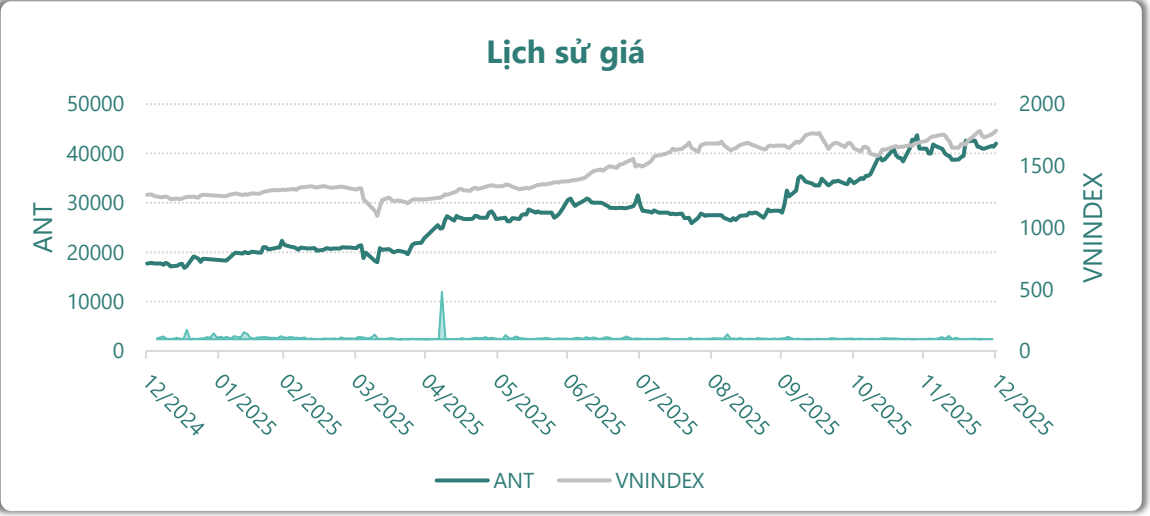
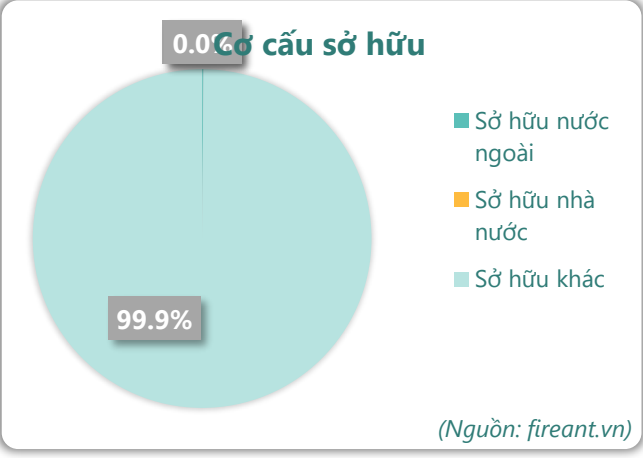
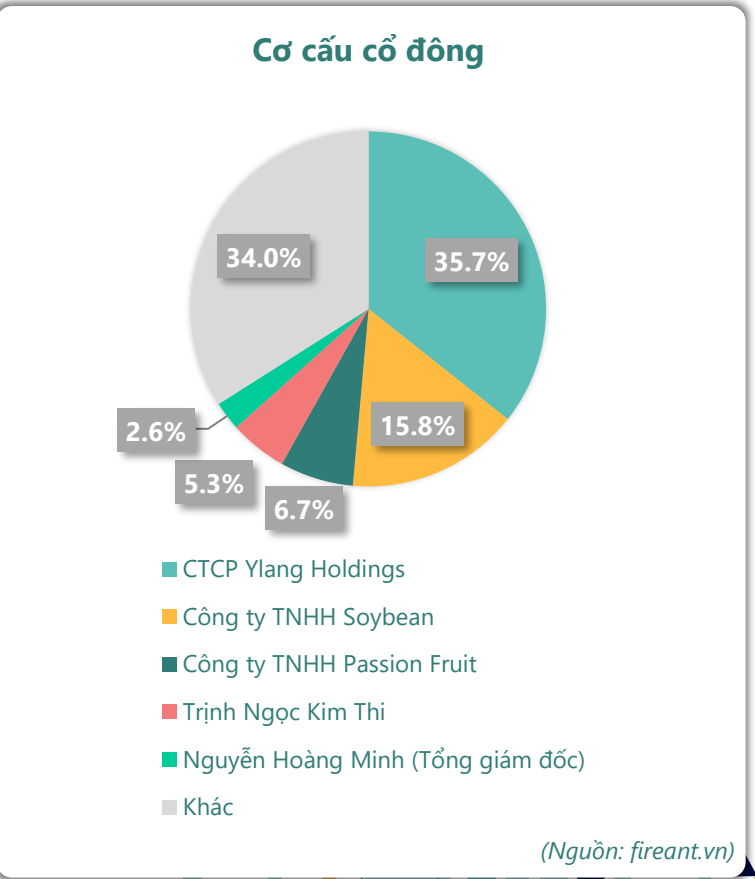
ROE 2025
32.1%
YoY: +/-▲ 4.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,833 - 43,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,008
Số lượng CPLH (CP)	24,003,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,995
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.79
EPS	5,206
P/E	8.1

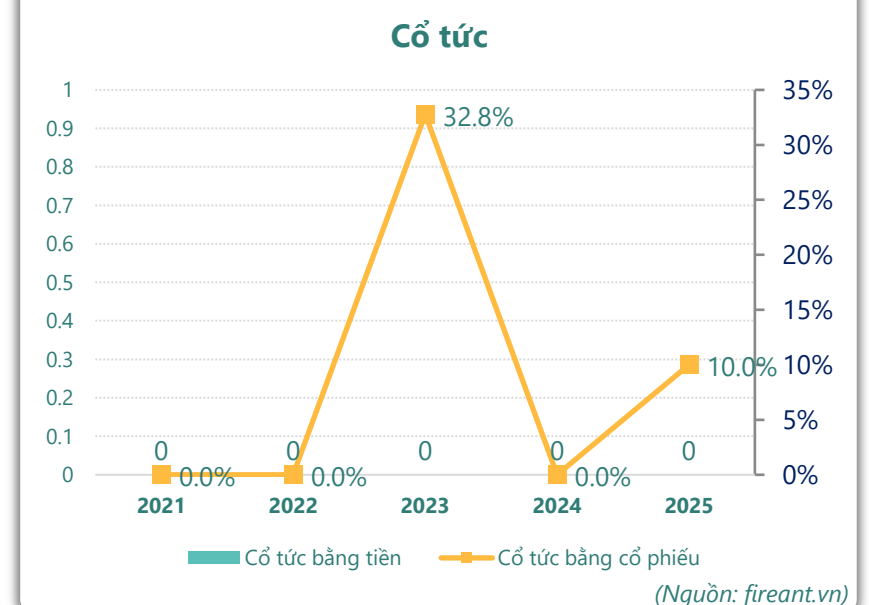
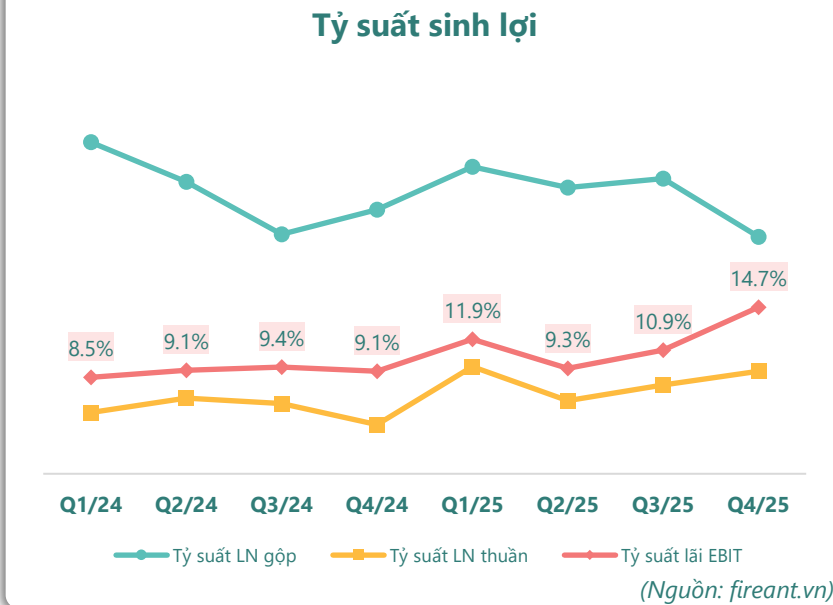
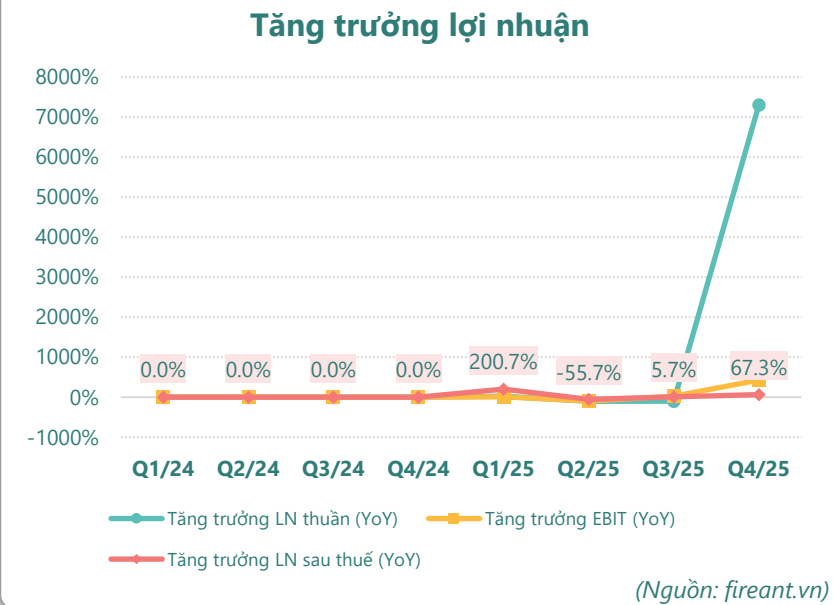
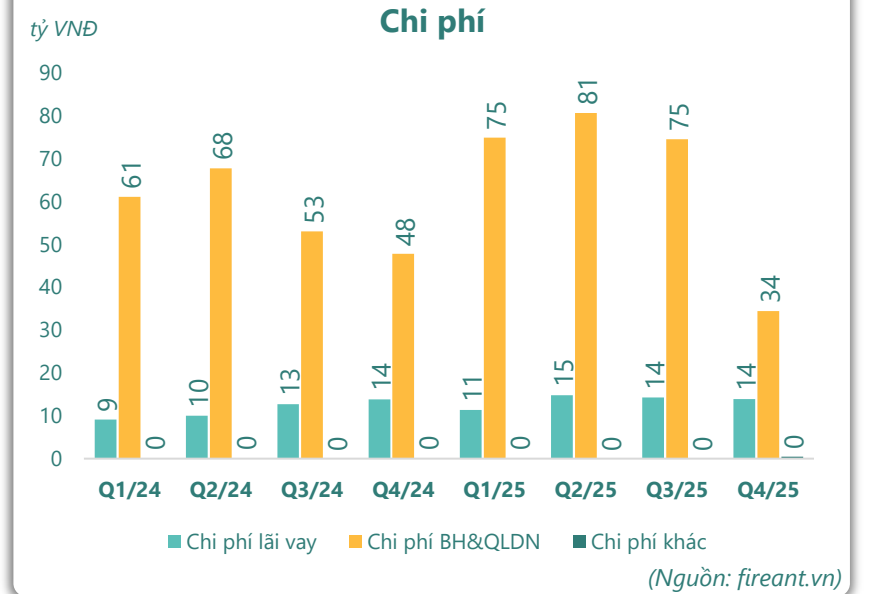
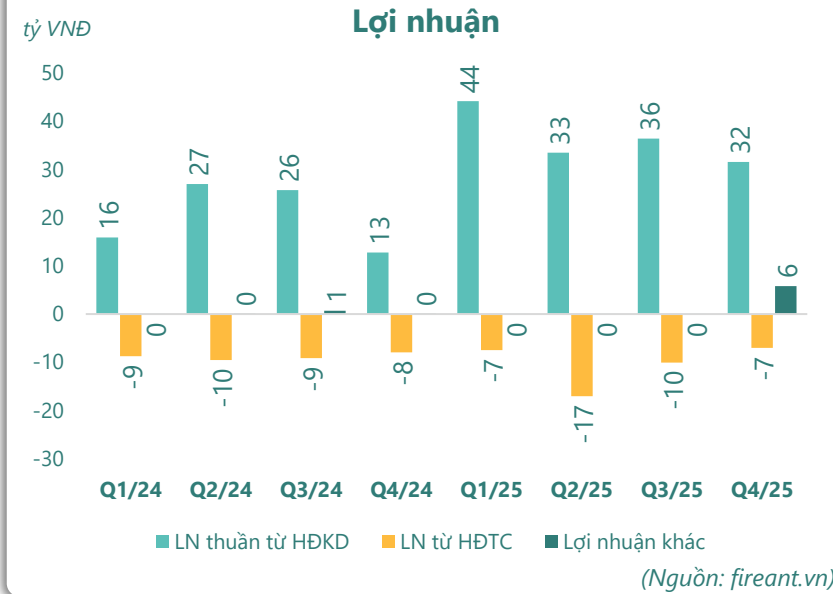
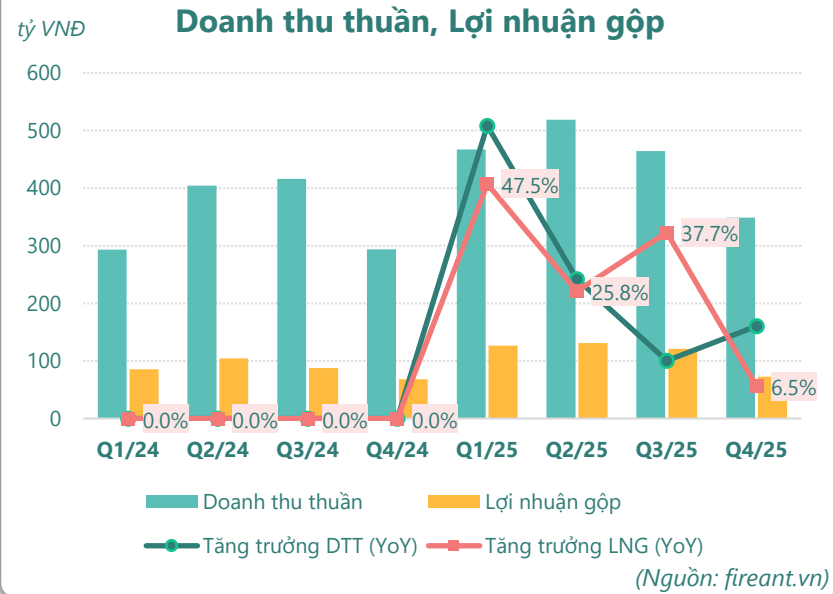
DT thuần 2025
1,800
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 395 28.1%

LN thuần 2025
146
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 59.0 67.3%

LN sau thuế 2025
131
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.3 77.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH



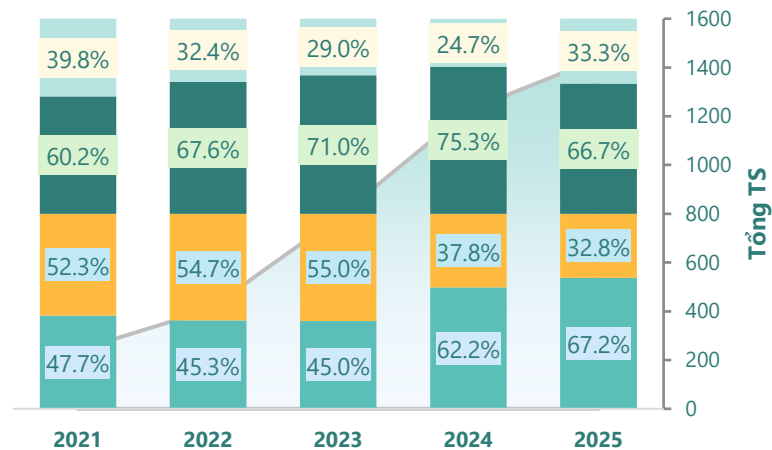


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

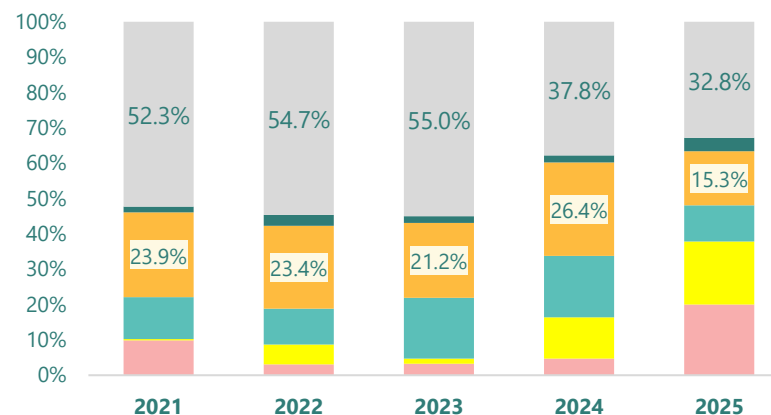
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

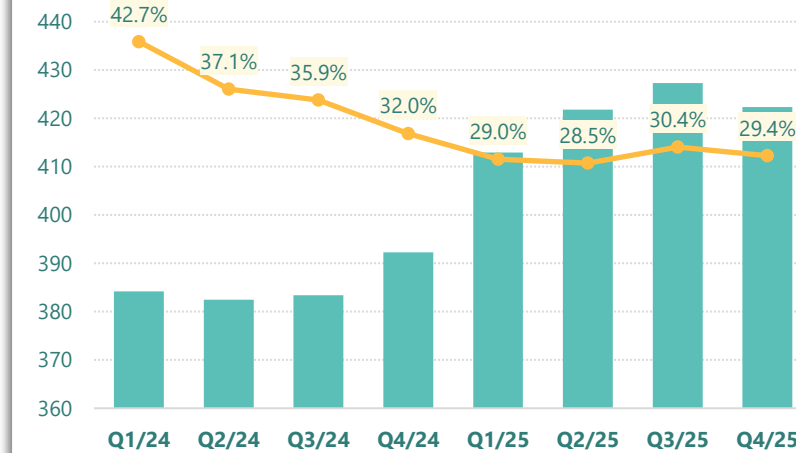


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

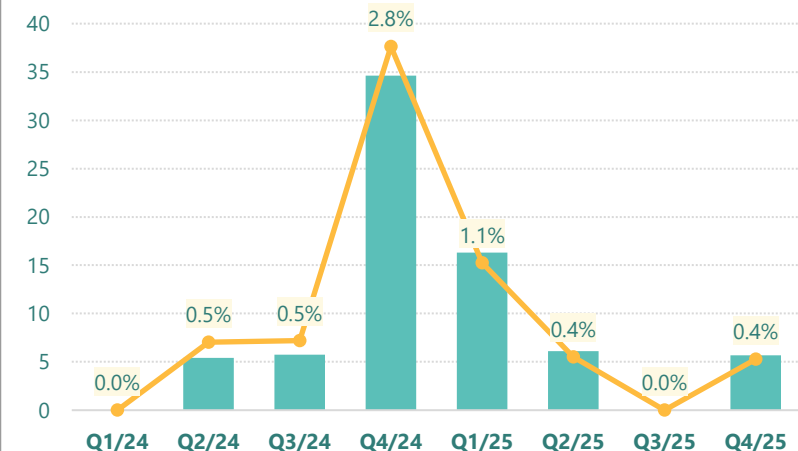


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

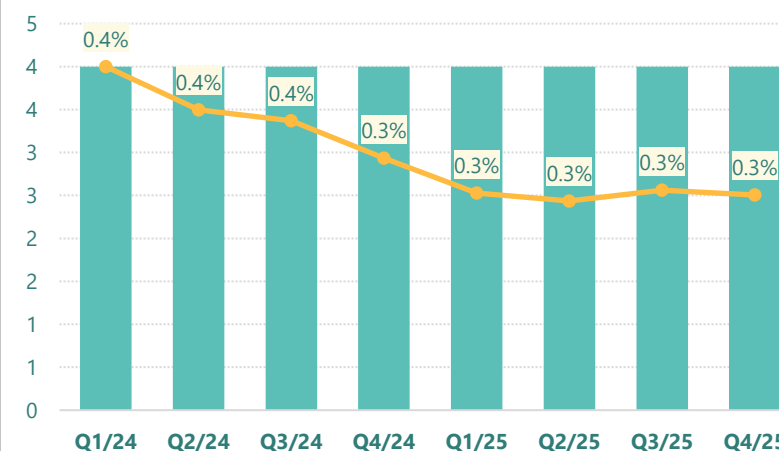


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

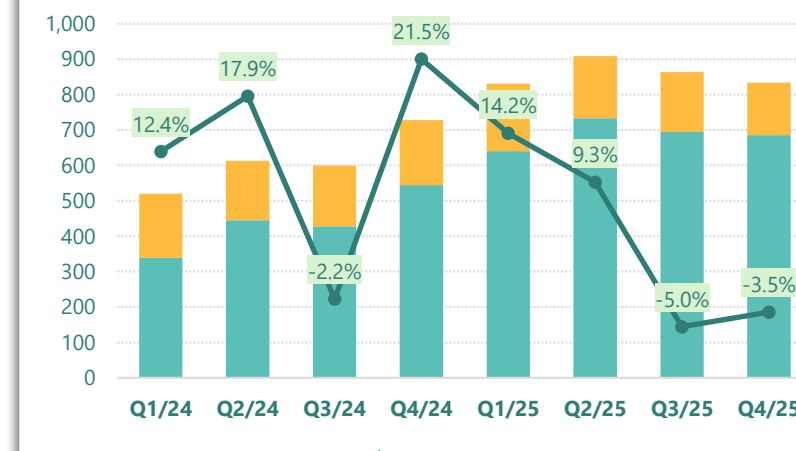


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

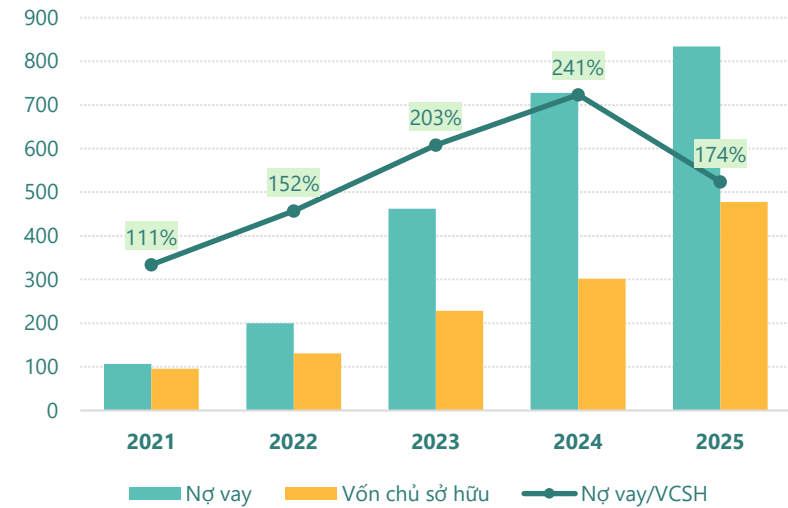
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

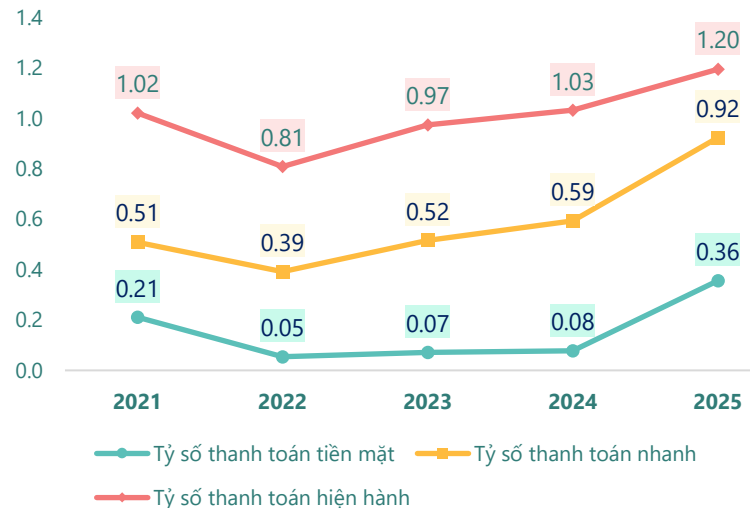
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



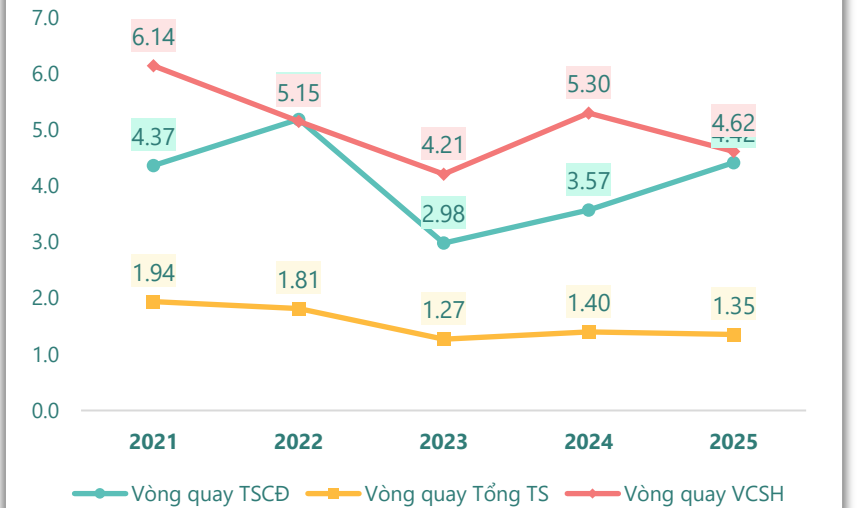
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



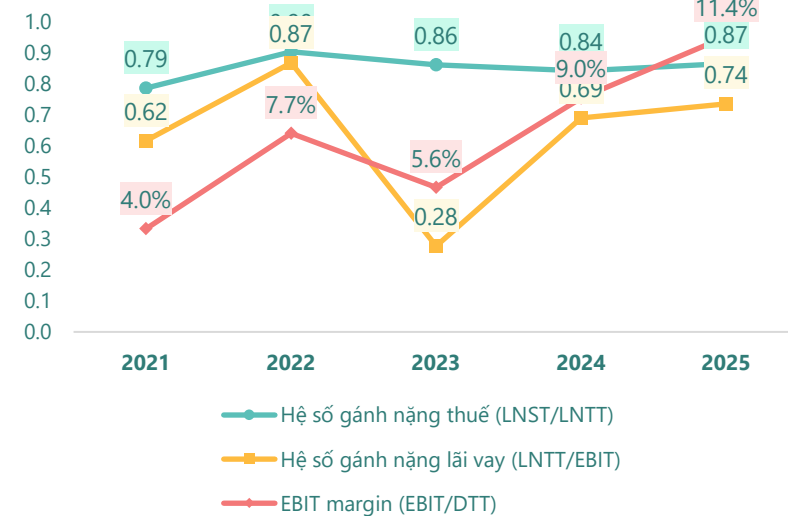
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



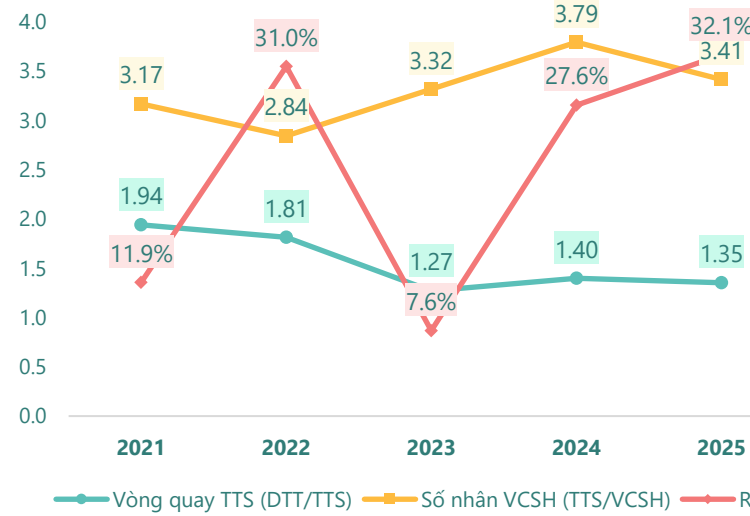
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



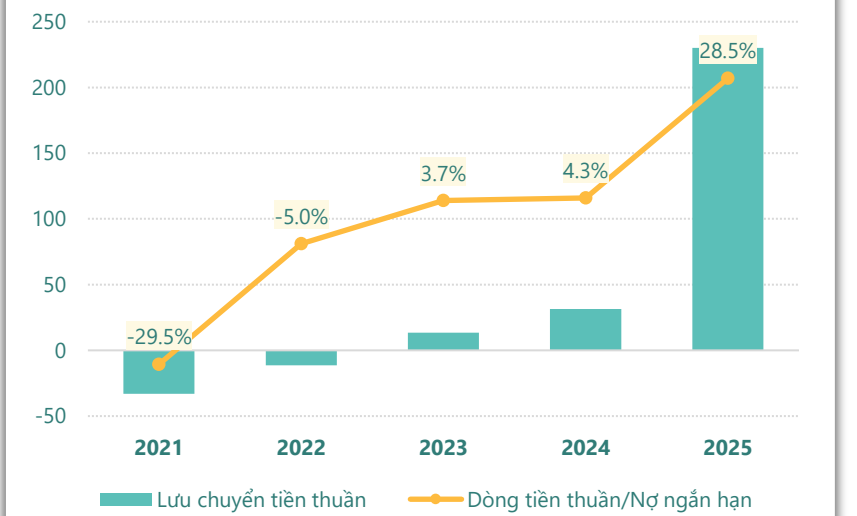
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	349	294	18.7%	1,800	1,405	28.1%
Giá vốn hàng bán	276	225	22.7%	1,348	1,060	27.1%
Lợi nhuận gộp	73.0	68.5	6.5%	452	344	31.1%
Doanh thu HĐTC	8.82	7.63	15.6%	31.6	19.1	65.0%
Chi phí TC	15.9	15.6	1.7%	73.2	54.5	34.1%
Chi phí lãi vay	13.9	13.9	0.3%	54.4	39.5	37.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	10.3	27.1	-62.0%	139	126	10.2%
Chi phí QLDN	24.1	20.7	16.5%	125	95.5	31.0%
LN thuần từ HĐKD	31.5	12.7	148%	146	87.0	67.3%
Lợi nhuận khác	5.82	0.00		5.68	0.60	842%
LN trước thuế	37.4	12.7	194%	151	87.6	72.6%
Lợi nhuận sau thuế	30.6	10.2	200%	131	73.7	77.6%
LNST của CĐ cty mẹ	28.4	11.2	154%	125	73.1	70.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.3	15.6	-69.6	-24.7	328	23.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-64.7	-99.6	-87.2	-46.1	-30.9	-9.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.8	128	106	71.6	-45.0	14.7
Tiền đầu kỳ	31.6	13.3	57.2	6.00	6.79	259
Lưu chuyển tiền thuần	-18.3	43.9	-51.2	0.78	252	28.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	13.3	57.2	6.00	6.79	259	287

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,437	1,224	17.4%
Tài sản ngắn hạn	965	760	26.9%
Tiền và tương đương tiền	287	57.2	402%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	257	144	78.7%
Phải thu ngắn hạn	147	213	-30.9%
Hàng tồn kho	219	323	-32.1%
Tài sản ngắn hạn khác	55.1	23.9	130%
Tài sản dài hạn	471	463	1.8%
Phải thu dài hạn	6.97	6.96	0.2%
Tài sản cố định	422	392	7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.67	34.6	-83.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.00	4.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	32.5	18.7	73.8%
Lợi thế thương mại	0	6.57	-100%
Nợ phải trả	959	922	4.0%
Nợ ngắn hạn	807	737	9.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	685	546	25.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.2	70.2	-4.3%
Nợ dài hạn	151	185	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	149	182	-18.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	478	302	58.3%
Vốn chủ sở hữu	478	302	58.3%
Vốn điều lệ	240	184	30.5%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

